



nà xiē

那些

Pronoun · those

Example Sentences

nà xiē shì wǒ de péng you
那些是我的朋友。

Those are my friends.

tā bǎ nà xiē jiù shū shì rú fèn tǔ
他把那些旧书视如粪土。

He regards those old books as worthless.

nà xiē píng guǒ hěn xīn xiān
那些苹果很新鲜。

Those apples are very fresh.

Trace each character, then write the word on your own.

那	那	那	那	那	那	那	那	那		
些	些	些	些	些	些	些	些	些	些	些